VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ

Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

2. Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

3. Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.[1]

---

[1] Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ."

Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ."

Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến công bố tải trọng khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.[2] Tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe gồm: trọng lượng (khối lượng) bản thân xe cộng với trọng lượng (khối lượng) của thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được lắp, đặt vào phương tiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có) cộng với trọng lượng (khối lượng) của người, hành lý và hàng hóa (bao gồm cả container; các thiết bị được sử dụng để kê, chèn, chằng buộc hàng hóa) xếp trên xe (nếu có).

2. Tải trọng trục xe là tổng trọng lượng của xe phân bố trên mỗi trục xe hoặc cụm trục xe.

3. Kích thước tối đa cho phép của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là kích thước bao ngoài giới hạn về chiều rộng, chiều cao, chiều dài của xe kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) được phép tham gia giao thông trên đường bộ.

4. Xe bánh xích là loại xe máy chuyên dùng tự hành di chuyển bằng bánh xích, khi tham gia giao thông trên đường bộ, răng xích có thể gây hư hỏng mặt đường, lề đường.

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

5. Tổ hợp xe bao gồm một xe thân liền kéo một rơ moóc hoặc một xe đầu kéo kéo một sơmi rơ moóc.

6. Rơ moóc một cụm trục là rơ moóc chỉ có một cụm trục được bố trí tại khu vực giữa chiều dài của rơ moóc.

7. Rơ moóc nhiều cụm trục là rơ moóc có một trục trước hoặc một cụm trục trước được kết nối với thanh kéo và một trục sau hoặc một cụm trục sau.

8. Hàng không thể tháo rời (chia nhỏ) là hàng dạng kiện còn nguyên kẹp chì, niêm phong của cơ quan hải quan, an ninh, quốc phòng hoặc là tổ hợp cấu kiện, thiết bị, máy móc nếu tháo rời, chia nhỏ sẽ bị hư hỏng hoặc thay đổi công năng.

9. Đường ngang là đoạn đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng và khai thác.

10.[3] Sở Giao thông vận tải gồm các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

11.[4] Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ là doanh nghiệp dự án đối tác công tư (PPP) và doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình đường bộ.

12.[5] Đơn nguyên hàng là 01 kiện hàng còn nguyên kẹp chì, niêm phong của cơ quan hải quan, an ninh, quốc phòng hoặc 01 cấu kiện xây dựng hoặc 01 phương tiện, thiết bị, máy móc nguyên chiếc.

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ; CÔNG BỐ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Tải trọng của đường bộ

1. Tải trọng của đường bộ là khả năng chịu tải khai thác của cầu và đường để bảo đảm tuổi thọ công trình theo thiết kế.

2.[6] Khả năng chịu tải khai thác của cầu được xác định theo hồ sơ thiết kế cầu và tình trạng kỹ thuật thực tế của cầu, được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc được thể hiện bằng một trong các biển báo hiệu theo quy định về báo hiệu đường bộ như sau:

a) Biển báo hiệu "Hạn chế trọng tải toàn bộ xe";

b) Biển báo hiệu "Loại xe hạn chế qua cầu";

c) Biển báo hiệu "Tải trọng trục hạn chế qua cầu".

3.[7] Khả năng chịu tải khai thác của đường được xác định theo hồ sơ thiết kế mặt đường và tình trạng kỹ thuật thực tế của đường, được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc được thể hiện bằng biển báo "Hạn chế tải trọng trên trục xe" theo quy định về báo hiệu đường bộ.

Điều 5. Khổ giới hạn của đường bộ

1. Khổ giới hạn của đường bộ là khoảng trống có kích thước giới hạn về chiều cao, chiều rộng của đường, cầu, bến phà, hầm đường bộ để các xe, kể cả hàng hóa xếp trên xe đi qua được an toàn.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

2.[8] Khổ giới hạn về chiều cao của đường bộ là 4,75 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, II, III và 4,5 mét đối với đường cấp IV trở xuống hoặc được thể hiện bằng biển báo hiệu "Hạn chế chiều cao" theo quy định về báo hiệu đường bộ.

3.[9] Khổ giới hạn về chiều rộng của đường bộ là giới hạn chiều rộng làn xe để các xe, kể cả hàng hóa xếp trên xe đi qua được an toàn, phụ thuộc vào cấp kỹ thuật của đường bộ và địa hình xây dựng tuyến đường.

Điều 6. Công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang[10]

1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm công bố tải trọng và khổ giới hạn của quốc lộ (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này); cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật của đường ngang trong phạm vi cả nước do các cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này cung cấp trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

2. Cục Đường cao tốc Việt Nam chịu trách nhiệm công bố tải trọng và khổ giới hạn của các tuyến đường cao tốc được phân cấp, ủy quyền trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường cao tốc Việt Nam; đồng thời gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cục Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm công bố tình trạng kỹ thuật đường ngang của mạng lưới đường sắt Việt Nam trên Trang Thông tin điện tử của Cục Đường sắt Việt Nam; đồng thời gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ do địa phương quản lý (bao gồm cả dự án đường bộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên hệ thống quốc lộ mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền) trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

5. Các cơ quan và người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này công bố công khai thông tin tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Điều chỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật đường ngang[11]

1. Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và tình trạng kỹ thuật của đường ngang trong phạm vi cả nước trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam theo định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 3 hàng năm). Trường hợp đột xuất có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của mình trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của các Khu Quản lý đường bộ và các cơ quan quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này gửi về.

2. Cục Đường cao tốc Việt Nam chịu trách nhiệm cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của các tuyến đường cao tốc được phân cấp, ủy quyền trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường cao tốc Việt Nam, đồng thời gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 3 hàng năm) và đột xuất trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ trong các trường hợp: cầu, đường bị sự cố hư hỏng, xuống cấp hoặc cầu, đường đã được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

3. Cục Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm cập nhật tình trạng kỹ thuật đường ngang của mạng lưới đường sắt Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường sắt Việt Nam, đồng thời gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam theo định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 3 hàng năm) và đột xuất trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tình trạng kỹ thuật đường ngang trong các trường hợp: đường ngang bị sự cố hư hỏng, xuống cấp hoặc đường ngang đã được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

4. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ theo thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chịu trách nhiệm tổ chức cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ do địa phương quản lý (bao gồm cả dự án đường bộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên hệ thống quốc lộ mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền) trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải; đồng thời gửi số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam để cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam theo định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 3 hàng năm) và đột xuất trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ trong các trường hợp: cầu, đường bị sự cố hư hỏng, xuống cấp hoặc cầu, đường đã được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

5. Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ chịu trách nhiệm cập nhật tải trọng, khổ giới hạn của các đoạn đường bộ trong phạm vi quản lý; đồng thời gửi số liệu về Sở Giao thông vận tải (đối với đường bộ do địa phương quản lý, bao gồm cả dự án đường bộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên hệ thống quốc lộ mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền), Cục Đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ), Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với các tuyến đường cao tốc được phân cấp, ủy quyền) để công bố (theo thẩm quyền), cập nhật trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam và Cục Đường cao tốc Việt Nam theo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 3 hàng năm) và đột xuất trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ trong các trường hợp: cầu, đường bị sự cố hư hỏng, xuống cấp hoặc cầu, đường đã được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

6. Cầu trên các tuyến, đoạn tuyến đường bộ đã được công bố nhưng chưa được cải tạo, nâng cấp đồng bộ với tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ đã được công bố, cơ quan quản lý đường bộ phải đặt biển báo hiệu giới hạn tải trọng, khổ giới hạn thực tế của cầu.

Điều 8. Lưu hành phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thỏa mãn điều kiện về tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ đã được công bố và các quy định về giới hạn xếp hàng hóa tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Thông tư này được lưu hành bình thường trên các tuyến, đoạn tuyến đã công bố.

2. Trên các tuyến, đoạn tuyến đường bộ khác ngoài danh mục được công bố về tải trọng và khổ giới hạn của đường bộ, chủ phương tiện, người thuê vận tải, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ biển báo hiệu hạn chế trọng lượng xe, khổ giới hạn cho phép của đường bộ, tốc độ, khoảng cách giữa các phương tiện khi lưu hành trên đường bộ.

3.[12] Trường hợp bắt buộc phải vận chuyển hàng không thể tháo rời hoặc lưu hành phương tiện có tổng trọng lượng, kích thước bao ngoài vượt quá tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ trên đường bộ, chủ phương tiện, người thuê vận tải hoặc người điều khiển phương tiện phải lập phương án vận chuyển và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ.

Chương III
QUY ĐỊNH VỀ XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH LƯU HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Quy định về xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn lưu hành trên đường bộ[13]

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[13] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

1. Xe quá tải trọng của đường bộ (sau đây gọi là xe quá tải) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Có tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe vượt quá trị số ghi trên biển báo hiệu "hạn chế trọng tải toàn bộ xe" hoặc biển báo hiệu "Loại xe hạn chế qua cầu" tại nơi có một trong hai loại biển báo hiệu này;

b) Có tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe vượt quá quy định về giới hạn tổng trọng lượng của xe tại Điều 17 của Thông tư này tại nơi không có cả hai loại biển báo hiệu quy định tại điểm a khoản này;

c) Có tải trọng trục xe vượt quá trị số ghi trên biển báo hiệu "Hạn chế tải trọng trên trục xe" hoặc biển báo hiệu "Tải trọng trục hạn chế qua cầu" tại nơi có một trong hai loại biển báo hiệu này;

d) Có tải trọng trục xe vượt quá quy định về giới hạn tải trọng trục xe tại Điều 16 của Thông tư này tại nơi không có cả hai loại biển báo hiệu quy định tại điểm c khoản này.

2. Xe quá khổ giới hạn của đường bộ (sau đây gọi là xe quá khổ) là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có kích thước bao ngoài kể cả hàng hóa xếp trên xe (nếu có) thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Chiều dài vượt quá trị số ghi trên biển báo hiệu "Hạn chế chiều dài xe" hoặc biển báo hiệu "Hạn chế chiều dài xe cơ giới kéo theo rơ-moóc hoặc sơ-mi-rơ-moóc" tại nơi có một trong hai loại biển báo hiệu này;

b) Chiều dài lớn hơn 20 mét hoặc lớn hơn 1,1 lần chiều dài toàn bộ của xe tại nơi không có cả hai loại biển báo hiệu quy định tại điểm a khoản này;

c) Chiều rộng vượt quá trị số ghi trên biển báo hiệu "Hạn chế chiều ngang xe" tại nơi có loại biển báo hiệu này;

d) Chiều rộng lớn hơn 2,5 mét tại nơi không có loại biển báo hiệu quy định tại điểm c khoản này;

đ) Chiều cao tính từ mặt đường bộ trở lên vượt quá trị số ghi trên biển báo hiệu "Hạn chế chiều cao" tại nơi có loại biển báo hiệu này;

e) Chiều cao tính từ mặt đường bộ trở lên lớn hơn 4,2 mét, đối với xe chở container lớn hơn 4,35m mét tại nơi không có loại biển báo hiệu quy định tại điểm đ khoản này.

3. Xe máy chuyên dùng có tổng trọng lượng của xe, tải trọng trục xe thuộc ít nhất một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kích thước

bao ngoài thuộc ít nhất một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này khi tham gia giao thông trên đường bộ được coi là xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn.

Điều 10. Quy định về xe bánh xích tham gia giao thông trên đường bộ

Xe bánh xích tham gia giao thông trên đường bộ phải thực hiện các biện pháp bắt buộc như lắp guốc xích, rải rấm đan, ghi chép hoặc biện pháp khác để bảo vệ mặt đường bộ. Trường hợp không thực hiện các biện pháp bắt buộc nêu trên, xe bánh xích phải được chở trên các phương tiện vận tải khác.

Điều 11. Lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ

1. Việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ phải bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ.

2. Tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải, người thuê vận tải hoặc người điều khiển phương tiện khi lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ phải thực hiện các quy định sau:

a) Có Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Tuân thủ các quy định được ghi trong Giấy phép lưu hành xe;

c)[14] Có người và xe hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông khi lưu hành qua vị trí công trình đường bộ phải gia cường, đoạn đường bộ bị che khuất tầm nhìn, đoạn đường hai chiều mà mỗi chiều chỉ có một làn xe chạy hoặc đoạn đường một chiều có một làn xe chạy mà các phương tiện khác khó tránh, vượt xe;

d)[15] Hàng hóa xếp trên xe phải được kê, chèn, chằng buộc chắc chắn hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông trên đường bộ.

---

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

3.[16] Không được phép lưu hành trên đường bộ đối với xe chở hàng hóa vượt quá khối lượng hàng chuyên chở cho phép của xe theo thiết kế được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

4.[17] Khi lưu hành xe vận chuyển từ 02 (hai) đơn nguyên hàng trở lên phải thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa được vận chuyển là hàng không thể tháo rời có một hoặc hai kích thước bao ngoài là hàng siêu trường, hàng không thể tháo rời sau khi được xếp lên phương tiện vận chuyển mà có kích thước bao ngoài về chiều dài của xe (kể cả hàng hóa xếp trên xe) lớn hơn 1,1 lần chiều dài toàn bộ của xe, xe ô tô, xe máy chuyên dùng;

b) Tổng trọng lượng và tải trọng trục của xe không vượt quá tải trọng của đường bộ;

c) Khi xếp từ 02 (hai) đơn nguyên hàng trở lên theo chiều cao thùng xe thì chiều cao xếp hàng phải bảo đảm quy định tại Điều 18 Thông tư này;

d) Khi xếp từ 02 (hai) đơn nguyên hàng trở lên theo chiều dài thùng xe, phải bảo đảm không vượt quá phạm vi chiều dài thùng xe và không vượt quá 20,0 mét (kể từ điểm ngoài cùng phía trước của phần đầu xe đến điểm cuối cùng phía sau của hàng hóa xếp trên xe);

đ) Khi xếp từ 02 (hai) đơn nguyên hàng trở lên theo chiều rộng thùng xe, phải bảo đảm không vượt quá phạm vi chiều rộng thùng xe và kích thước bao ngoài theo chiều rộng của toàn bộ hàng không vượt quá 2,5 mét.

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Chương IV
VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 12. Quy định về hàng siêu trường, siêu trọng

1. Hàng siêu trường là hàng không thể tháo rời, khi xếp lên phương tiện vận chuyển có ít nhất một trong các kích thước bao ngoài[18] (của tổ hợp phương tiện và hàng hóa xếp trên phương tiện) như sau:

a) Chiều dài lớn hơn 20,0 mét;

b) Chiều rộng lớn hơn 2,5 mét;

c) Chiều cao tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên lớn hơn 4,2 mét; đối với xe chở container lớn hơn 4,35 mét.

2. Hàng siêu trọng là hàng không thể tháo rời, có trọng lượng lớn hơn 32 tấn.

Điều 13. Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng

1. Phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng là phương tiện có kích thước, tải trọng phù hợp với loại hàng hóa vận chuyển; đồng thời phù hợp với các thông số ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

2. Trường hợp các rơ moóc kiểu module có tính năng ghép nối được với nhau sử dụng để chở hàng siêu trường, siêu trọng, cơ quan đăng kiểm xác nhận vào Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe với nội dung: "Được phép ghép nối các module với nhau và phải có Giấy phép lưu hành xe do cơ quan có thẩm quyền cấp phép".

---

[18] Cụm từ "có một trong các kích thước bao ngoài" được thay thế bởi cụm từ "có ít nhất một trong các kích thước bao ngoài" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Điều 14. Lưu hành phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

1.[19] Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng căn cứ vào loại hàng hóa, địa điểm vận chuyển (nơi đi, nơi đến) để lựa chọn tuyến đường, loại phương tiện vận chuyển (bao gồm cả thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng được lắp, đặt vào phương tiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất) và phương án xếp hàng phù hợp nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Việc lưu hành phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ phải thực hiện theo các quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

2.[20] Tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện, người vận tải, người thuê vận tải hoặc người điều khiển phương tiện được cấp Giấy phép lưu hành xe khi vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ phải thực hiện các quy định sau:

a) Tuân thủ các điều kiện quy định ghi trong Giấy phép lưu hành xe;

b) Có biện pháp cảnh báo, bảo đảm an toàn giao thông và tuân thủ chỉ dẫn của người hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông (nếu có);

c) Chỉ được chở 01 (một) đơn nguyên hàng siêu trọng.

3.[21] Các trường hợp phải có người, xe hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông:

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

a) Có một trong các kích thước bao ngoài của phương tiện, bao gồm cả hàng hóa xếp trên phương tiện như sau: chiều rộng lớn hơn 3,5 mét; chiều dài lớn hơn 25 mét;

b) Lưu hành qua vị trí công trình đường bộ phải gia cường, đoạn đường bộ bị che khuất tầm nhìn, đoạn đường hai chiều mà mỗi chiều chỉ có một làn xe chạy hoặc đoạn đường một chiều có một làn xe chạy mà các phương tiện khác khó tránh, vượt xe;

c) Lưu hành trên các đoạn đường đang bị hư hỏng, xuống cấp, sự cố bất khả kháng.

4. Các trường hợp phải khảo sát đường bộ:

a) Khi xếp hàng lên phương tiện có một trong các kích thước bao ngoài như sau: chiều rộng lớn hơn 3,75 mét hoặc chiều cao lớn hơn 4,75 mét hoặc chiều dài lớn hơn 20 mét đối với đường cấp IV trở xuống hoặc lớn hơn 30 mét đối với đường cấp III trở lên;

b) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có tổng trọng lượng của xe hoặc có tải trọng trục xe vượt quá khả năng khai thác của đường bộ.

5.[22] Trường hợp đường bộ không bảo đảm cho xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu thông an toàn, thì tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải gia cường đường bộ, khi gia cường xong phải được kiểm định, nghiệm thu và có báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ trước khi đưa công trình vào khai thác.

Chương V
GIỚI HẠN XẾP HÀNG HÓA TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ KHI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 15. Giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ

1. Việc xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ phải theo các quy định về tổng trọng lượng của xe, tải trọng

[22] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

trục xe, chiều cao, chiều rộng, chiều dài xếp hàng hóa được phép của xe quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Thông tư này và không vượt quá khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

2. Hàng hóa xếp trên xe phải gọn gàng, chằng buộc chắc chắn và không gây cản trở cho việc điều khiển xe, bảo đảm an toàn giao thông khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Điều 16. Giới hạn tải trọng trục xe

1. Trục đơn: tải trọng trục xe £ 10 tấn.

2. Cụm trục kép, phụ thuộc vào khoảng cách (d) của hai tâm trục:

a) Trường hợp d < 1,0 mét, tải trọng cụm trục xe £ 11 tấn;

b) Trường hợp 1,0 mét £ d < 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe £ 16 tấn;

c) Trường hợp d ³ 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe £ 18 tấn.

3. Cụm trục ba, phụ thuộc vào khoảng cách (d) của hai tâm trục liền kề:

a) Trường hợp d £ 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe £ 21 tấn;

b) Trường hợp d > 1,3 mét, tải trọng cụm trục xe £ 24 tấn.

Điều 17. Giới hạn tổng trọng lượng của xe

1. Đối với xe thân liền có tổng số trục:

a) Bằng hai, tổng trọng lượng của xe £ 16 tấn;

b) Bằng ba, tổng trọng lượng của xe £ 24 tấn;

c) Bằng bốn, tổng trọng lượng của xe £ 30 tấn;

d) Bằng năm hoặc lớn hơn và khoảng cách tính từ tâm trục đầu tiên đến tâm trục cuối cùng:

- Nhỏ hơn hoặc bằng 7 mét, tổng trọng lượng của xe £ 32 tấn;

- Lớn hơn 7 mét, tổng trọng lượng của xe £ 34 tấn.

2. Đối với tổ hợp xe đầu kéo kéo sơmi rơ moóc có tổng số trục:

a) Bằng ba, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 26 tấn;

b) Bằng bốn, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 34 tấn;

c) Bằng năm và khoảng cách từ tâm chốt kéo đến tâm trục bánh đầu tiên của sơmi rơ moóc:

- Từ 3,2 mét đến 4,5 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 38 tấn;

- Lớn hơn 4,5 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 42 tấn.

d) Bằng sáu hoặc lớn hơn và khoảng cách từ tâm chốt kéo đến tâm trục bánh đầu tiên của sơmi rơ moóc:

- Từ 3,2 mét đến 4,5 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 40 tấn; trường hợp chở một container, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 42 tấn;

- Lớn hơn 4,5 mét đến 6,5 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 44 tấn;

- Lớn hơn 6,5 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 48 tấn.

3. Đối với tổ hợp xe thân liền kéo rơ moóc: tổng trọng lượng của tổ hợp xe gồm tổng trọng lượng của xe thân liền (tương ứng với tổng trọng lượng của xe được quy định tại khoản 1 Điều này) và tổng tải trọng các trục xe của rơ moóc được kéo theo (tương ứng với tải trọng trục xe được quy định tại Điều 16), cụ thể như sau:

a) Trường hợp xe thân liền kéo rơ moóc một cụm trục với khoảng cách tính từ tâm lỗ chốt kéo của thanh kéo đến điểm giữa của cụm trục của rơ moóc đo trên mặt phẳng nằm ngang của thanh kéo lớn hơn hoặc bằng 3,7 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 45 tấn;

b) Trường hợp xe thân liền kéo rơ moóc nhiều cụm trục với khoảng cách tính từ tâm lỗ chốt kéo của thanh kéo đến tâm trục trước hoặc điểm giữa của cụm trục trước của rơ moóc đo theo mặt phẳng nằm ngang của thanh kéo lớn hơn hoặc bằng 3,0 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe £ 45 tấn.

4. Đối với trường hợp tổ hợp xe đầu kéo kéo sơmi rơ moóc (quy định tại khoản 2 Điều này) nhưng có khoảng cách tính từ tâm chốt kéo đến tâm trục bánh đầu tiên của sơmi rơ moóc < 3,2 mét hoặc tổ hợp xe thân liền kéo rơ moóc một cụm trục nhưng có khoảng cách tính từ tâm lỗ chốt kéo của thanh kéo đến điểm giữa của cụm trục của rơ moóc nhỏ hơn 3,7 mét hoặc tổ hợp xe thân liền kéo rơ moóc nhiều cụm trục nhưng có khoảng cách tính từ tâm lỗ chốt kéo của thanh kéo đến tâm trục trước hoặc điểm giữa của cụm trục trước của rơ moóc nhỏ hơn 3,0 mét, tổng trọng lượng của tổ hợp xe phải giảm 2 tấn trên 1 mét dài ngắn đi.

5. Đối với xe hoặc tổ hợp xe có trục phụ (có cơ cấu nâng, hạ trục phụ), tổng trọng lượng của xe hoặc tổ hợp xe được xác định theo quy định tại Điều 16 và khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này tương ứng với tổng số trục xe thực tế tác dụng trực tiếp lên mặt đường khi lưu thông trên đường bộ.

Điều 18. Chiều cao xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ

1. Đối với xe tải thùng hở có mui, chiều cao xếp hàng hóa cho phép là chiều cao giới hạn trong phạm vi thùng xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với xe tải thùng hở không mui, hàng hóa xếp trên xe vượt quá chiều cao của thùng xe (theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) phải được chằng buộc, kê, chèn chắc chắn đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông trên đường bộ. Chiều cao xếp hàng hóa cho phép không vượt quá chiều cao quy định dưới đây, tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên:

a) Xe có khối lượng hàng hóa chuyên chở từ 5 tấn trở lên (ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe): chiều cao xếp hàng hóa không quá 4,2 mét;

b) Xe có khối lượng hàng hóa chuyên chở từ 2,5 tấn đến dưới 5 tấn (ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe): chiều cao xếp hàng hóa không quá 3,5 mét;

c) Xe có khối lượng hàng hóa chuyên chở dưới 2,5 tấn (ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe): chiều cao xếp hàng hóa không quá 2,8 mét.

3. Xe chở container[23]: chiều cao xếp hàng hóa tính từ điểm cao nhất của mặt đường xe chạy trở lên không quá 4,35 mét.

4. Trường hợp xe chở hàng rời, vật liệu xây dựng như đất, đá, cát, sỏi, than, quặng hoặc các hàng có tính chất tương tự, chiều cao xếp hàng hóa không vượt quá chiều cao của thùng xe ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

Điều 19. Chiều rộng và chiều dài xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi lưu thông trên đường bộ

1. Chiều rộng xếp hàng hóa cho phép trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là chiều rộng của thùng xe theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chiều dài xếp hàng hóa cho phép trên phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không được lớn hơn 1,1 lần chiều dài toàn bộ của xe theo thiết kế của nhà sản

[23] Cụm từ "Xe chuyên dùng và xe chở container" được thay thế bởi cụm từ "Xe chở container" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

xuất hoặc theo thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và không lớn hơn 20,0 mét. Khi chở hàng hóa có chiều dài lớn hơn chiều dài của thùng xe phải có báo hiệu theo quy định và phải được chằng buộc chắc chắn, bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông trên đường bộ.

3. Xe chở khách không được phép xếp hàng hóa, hành lý nhô ra quá kích thước bao ngoài của xe.

4. Xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng hóa, hành lý vượt quá bề rộng giá đèo hàng theo thiết kế của nhà sản xuất về mỗi bên 0,3 mét, vượt quá phía sau giá đèo hàng là 0,5 mét. Chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không vượt quá 1,5 mét.

5. Xe thô sơ không được xếp hàng hóa vượt phía trước và phía sau quá 1/3 chiều dài thân xe và không quá 1,0 mét; không được vượt quá 0,4 mét về mỗi bên bánh xe.

Chương VI
CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE BÁNH XÍCH, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 20. Quy định chung về cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

1.[24] Chỉ cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (sau đây gọi là Giấy phép lưu hành xe) trên đường bộ trong trường hợp chủ phương tiện, người thuê vận tải hoặc người điều khiển phương tiện sau khi đã tìm hiểu, khảo sát và có đơn đề nghị nêu rõ lý do không còn phương án vận chuyển nào khác (bao gồm: hàng hải, hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa) hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp để vận chuyển trên đường bộ.

---

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

2. Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe:

a)[25] Lựa chọn các tuyến, đoạn tuyến đường hợp lý trên cơ sở bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; chỉ cấp Giấy phép lưu hành xe trên từng tuyến, đoạn tuyến đường cụ thể, một chiều hoặc cả hai chiều, từ nơi đi đến nơi đến và ngược lại cho từng chuyến vận chuyển hoặc từng đợt vận chuyển (đối với trường hợp vận chuyển nhiều chuyến có kích thước bao ngoài, tổng trọng lượng và tải trọng trục xe tương đương trên cùng tuyến đường);

b) Không cấp Giấy phép lưu hành xe trong trường hợp chở hàng hóa vượt quá khối lượng hàng hóa chuyên chở theo thiết kế của nhà sản xuất hoặc vượt quá khối lượng hàng hóa cho phép của xe sau khi thiết kế cải tạo đã được phê duyệt và được ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe;

c) Khi cho phép lưu hành trên đường cao tốc, phải quy định cụ thể các điều kiện bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông như tốc độ, làn xe chạy và thời gian được phép lưu hành trong Giấy phép lưu hành xe.

3.[26] Đối với trường hợp lưu hành phương tiện mà phải khảo sát, kiểm định, gia cường đường bộ hoặc việc lưu hành phương tiện làm ảnh hưởng đến kết cấu công trình đường bộ, hệ thống an toàn giao thông, trạm thu phí, các hạng mục công trình khác được phép xây dựng lắp đặt trên đất của đường bộ, tổ chức, cá nhân có nhu cầu lưu hành xe phải chịu trách nhiệm và chi trả toàn bộ các khoản chi phí có liên quan. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp Giấy phép lưu hành xe sau khi tổ chức, cá nhân đã hoàn thành các công việc nêu trên

---

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

4. Thời hạn có hiệu lực của Giấy phép lưu hành xe:

a)[27] Các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng khi lưu hành không phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có người, xe hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông hoặc phải gia cường đường bộ: trường hợp lưu hành trên đường bộ, đoạn đường bộ đã được cải tạo, nâng cấp đồng bộ thì thời hạn của Giấy phép lưu hành xe không quá 90 ngày; trường hợp lưu hành trên đường bộ, đoạn đường bộ chưa được cải tạo, nâng cấp đồng bộ thì thời hạn của Giấy phép lưu hành xe không quá 30 ngày;

b)[28] Các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng khi lưu hành phải thực hiện các điều kiện bắt buộc như đi theo làn quy định, có người, xe hỗ trợ bảo đảm an toàn giao thông hoặc phải gia cường đường bộ: thời hạn của Giấy phép lưu hành xe không quá 30 ngày

c) Các xe bánh xích tự di chuyển trên đường bộ: thời hạn của Giấy phép lưu hành xe là thời gian từng lượt từ nơi đi đến nơi đến.

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy phép lưu hành xe quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này phải nằm trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe; trường hợp thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ngắn hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b, c khoản này, thời hạn hiệu lực của Giấy phép lưu hành xe bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe.

---

[27] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[28] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Điều 21. Thủ tục cấp Giấy phép lưu hành xe

1.[29] Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe quy định tại Điều 22 của Thông tư này.

2. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận;

c) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

d)[30] Phương án vận chuyển gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển; báo cáo kết quả khảo sát (đối với trường hợp phải khảo sát); báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ (đối với trường hợp phải gia cường đường bộ).

3.[31] Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra thành phần, xem xét hồ sơ trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ (bao gồm cả trường hợp phải khảo sát hoặc gia cường đường bộ).

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[30] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra xong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thông báo, hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại đối với hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra xong hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép lưu hành xe theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 3, Phụ lục 4 của Thông tư này hoặc có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không cấp Giấy phép lưu hành xe.

4.[32] Trên đoạn, tuyến đường bộ đã được khảo sát hoặc gia cường, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe quy định tại Điều 22 của Thông tư này được sử dụng báo cáo kết quả khảo sát (đối với trường hợp phải khảo sát) hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ (đối với trường hợp phải gia cường đường bộ) trong thời gian 06 (sáu) tháng tính từ ngày lập báo cáo để phục vụ việc cấp Giấy phép lưu hành xe cho các xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng có các thông số (gồm: kích thước bao ngoài, tổng trọng lượng và tải trọng trục xe) tương đương hoặc nhỏ hơn phương tiện đã được cấp Giấy phép lưu hành xe trước đó khi lưu hành trên đoạn, tuyến đường bộ này.

Điều 22. Thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe[33]

1. Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước đối với các trường hợp như sau (trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này):

---

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

[33] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe có địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động nằm trên cùng địa bàn cấp tỉnh với Sở Giao thông vận tải;

b) Phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe có nơi đi hoặc nơi đến nằm trên cùng địa bàn cấp tỉnh với Sở Giao thông vận tải.

2. Khu Quản lý đường bộ cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước đối với các trường hợp như sau (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này):

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe có địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động nằm trên cùng địa bàn quản lý của Khu Quản lý đường bộ khu vực;

b) Phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe có nơi đi hoặc nơi đến nằm trên cùng địa bàn quản lý của Khu Quản lý đường bộ khu vực;

c) Phục vụ an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, công trình trọng điểm quốc gia, công trình năng lượng: có nơi đi và nơi đến của phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe nằm trên cùng địa bàn quản lý của Khu Quản lý đường bộ khu vực.

3. Cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, xe bánh xích trên mạng lưới đường bộ trong phạm vi cả nước đối với các trường hợp phục vụ an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, công trình trọng điểm quốc gia, công trình năng lượng mà có nơi đi và nơi đến của phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe không nằm trên cùng địa bàn quản lý của một Khu Quản lý đường bộ khu vực.

4. Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ khi cấp Giấy phép lưu hành xe theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, có trách nhiệm thông báo cho các Sở Giao thông vận tải và Khu Quản lý đường bộ liên quan (quản lý địa bàn có địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hoạt động của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép lưu hành xe; quản lý địa bàn có nơi đi, nơi đến của phương tiện hoặc hàng hóa chở trên phương tiện được cấp Giấy phép lưu hành xe).

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe

1. Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cấp Giấy phép lưu hành xe bảo đảm đúng đối tượng, phù hợp với tình trạng của đường bộ, phương tiện vận tải và bảo đảm an toàn giao thông.

2. Có quyền thu hồi Giấy phép lưu hành xe đối với trường hợp vi phạm các điều kiện được quy định trong Giấy phép lưu hành xe hoặc gây hư hỏng công trình đường bộ mà chưa hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục.

3. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển lựa chọn tuyến đường vận chuyển hợp lý nhằm bảo đảm an toàn cho công trình đường bộ và an toàn cho phương tiện vận tải.

4. Cung cấp hiện trạng của đường bộ trên tuyến vận chuyển theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoặc của cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe có liên quan.

5. Thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép lưu hành xe theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 23a. Chế độ báo cáo[34]

1. Tên báo cáo: Báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe.

2. Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình cấp Giấy phép lưu hành xe.

3.[35] Đối tượng thực hiện báo cáo: Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải.

4.[36] Cơ quan nhận báo cáo: Cục Đường bộ Việt Nam.

5. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng quý, năm.

---

[34] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[35] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 10 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

7. Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo năm trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

8. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo đối với báo cáo quý và từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo năm.

9. Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại Phụ lục 5a, Phụ lục 5b, Phụ lục 5c và Phụ lục 6 của Thông tư này.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm quy định của Thông tư này thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Trường hợp xảy ra hư hỏng công trình đường bộ do việc lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ khi không thực hiện theo các quy định tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều khoản thi hành[37]

---

[37] Điều 10 của Thông tư số 36/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 10. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 20 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường Cao tốc Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

1. Thông tư này có hiệu lực kể ngày 01 tháng 12 năm 2015 và thay thế Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT); Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT) và Thông tư số 65/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT.

2. Đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước:

a) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã cấp cho kiểu loại xe mà không phù hợp quy định tại Thông tư này sẽ không còn giá trị sử dụng kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này;

b) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đã cấp trước ngày có hiệu lực của Thông tư này vẫn có giá trị sử dụng để giải quyết các thủ tục đăng ký phương tiện, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 quy định như sau:

"Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe đã gửi đến và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép lưu hành xe tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT- BGTVT và Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT.

2. Các Giấy phép lưu hành xe đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được sử dụng cho đến khi hết thời hạn ghi trong Giấy phép lưu hành xe.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

3. Đối với xe nhập khẩu:

a) Các xe nhập khẩu có ngày cập cảng hoặc đã về đến cửa khẩu Việt Nam trước ngày có hiệu lực của Thông tư này vẫn tiếp tục được xác định khối lượng toàn bộ ghi trong Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT và Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới nhập khẩu cấp cho xe có ngày cập cảng hoặc đã về đến cửa khẩu Việt Nam trước ngày có hiệu lực của Thông tư này vẫn có giá trị sử dụng để giải quyết các thủ tục nhập khẩu, kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường lần đầu, thu phí trước bạ, đăng ký phương tiện theo quy định.

4. Các xe đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước ngày có hiệu lực của Thông tư này nếu chở hàng hóa vượt quá khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép sẽ phải thực hiện điều chỉnh các thông số có liên quan theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện[38]

1. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức, kiểm tra và giám sát thực hiện các quy định tại Thông tư này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe trong việc kết nối mạng truyền số liệu về Cục Đường bộ Việt Nam; quản lý dữ liệu cấp Giấy phép lưu hành xe theo quy định;

b) Tổ chức tập huấn thực hiện Thông tư; hướng dẫn sử dụng phần mềm cấp Giấy phép lưu hành xe cho các cơ quan cấp phép lưu hành xe;

c) Kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất hoạt động cấp phép của các cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe; xử lý hoặc kiến nghị xử lý sai phạm của tổ chức, cá nhân cấp Giấy phép lưu hành xe theo quy định của pháp luật.

2. Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tuân thủ thực hiện các quy định tại Thông tư này;

---

[38] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 10 của Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

b) Công khai thủ tục, lệ phí và thời gian cấp Giấy phép lưu hành xe;

c) Thực hiện chế độ lưu trữ, báo cáo theo quy định; kết nối, bảo quản mật khẩu và cập nhật số liệu từ mạng dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam cấp;

d) Chấp hành và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cấp Giấy phép lưu hành xe của cơ quan chức năng.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh để xem xét, giải quyết./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 06/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm

Phụ lục I[39]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi:.... *(tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)*.....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe... *(xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng)*... trên đường bộ với các thông số sau:

1. Thông tin tổ hợp xe:		
Thông số kỹ thuật	Xe đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc (RM)/Sơ mi rơ moóc (SMRM)
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Thời hạn kiểm định		
Khối lượng bản thân (kg)		

[39] Phụ lục 1 được thay thế bởi Phụ lục I theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng cho phép kéo theo (kg)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có):		
Tên (nhãn hiệu) thiết bị:.....		
Khối lượng bản thân của thiết bị (kg):.....		
Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m):.....		

Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất):.....	
3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:	
Loại hàng:.....	
Kích thước (D x R x C) m:....	Tổng khối lượng (tấn):....
4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Kích thước (D x R x C) m:.....	
Hàng vượt bên phải thùng xe:..... m	Hàng vượt phía trước thùng xe:.... m
Hàng vượt bên trái thùng xe:..... m	Hàng vượt phía sau thùng xe:.... m
Khối lượng toàn bộ *(gồm: khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân RM/SMRM + khối lượng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có) + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng xếp trên xe)*:..... tấn	
5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:	
Trục đơn:..... tấn	
Cụm trục kép:..... tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ... m	
Cụm trục ba:..... tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ... m	

6. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể nơi đi, nơi đến, tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km...):.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

7. Lý do đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe:..... *(ghi cụ thể lý do theo nội dung khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT)*.....

8. Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị (*về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có*)):.....

.....

(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)

....., ngày.... tháng... năm....

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II[40]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi:.... *(tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy lưu hành)*....

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:.....

- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

- Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích tự hành trên đường bộ:.....

- Biển số đăng ký (nếu có):.....

- Khối lượng bản thân xe:..... (kg)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài:..... (m)

+ Chiều rộng:..... (m)

+ Chiều cao:..... (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng):.....

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên:..... (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh:..... (m)

---

[40] Phụ lục 2 được thay thế bởi Phụ lục II theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

- Tuyến đường vận chuyển *(ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km.....)*:.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

- Lý do đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe:..... (*ghi cụ thể lý do theo nội dung khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT)*.....

- Cam kết của cá nhân, tổ chức đề nghị (*về: (a) tính chính xác của các thông tin cung cấp trong đơn đề nghị và hồ sơ; (b) tính hợp pháp của phương tiện tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe; (c) việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho công trình đường bộ; (d) chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra mất an toàn giao thông trong quá trình lưu hành phương tiện được cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và khắc phục hậu quả (nếu có*)):.....

.....

(Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)

....., ngày.... tháng... năm....

Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III[41]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 3

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../CQCP GLHX	*...., ngày... tháng... năm....*

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày..... tháng.... năm.....

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Căn cứ Thông tư số /2015/TT-BGTVT ngày /9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ ngày.... tháng.... năm.... của..... (tên tổ chức, cá nhân đứng đơn, địa chỉ).....,

Cho phép lưu hành xe.. *(xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng)*... **trên đường bộ của**.... *(tên tổ chức, cá nhân chủ xe)*.... **với các thông tin như sau:**

---

[41] Phụ lục 3 được thay thế bởi Phụ lục III theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

1. Thông tin tổ hợp xe:		
Thông số kỹ thuật	Xe đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc (RM)/ Sơ mi rơ moóc (SMRM)
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Thời hạn kiểm định		
Khối lượng bản thân (kg)		
Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (kg)		
Khối lượng cho phép kéo theo (kg)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có):.....		
Tên (nhãn hiệu) thiết bị:.....		
Khối lượng bản thân của thiết bị (kg):.....		
Kích thước bao của thiết bị (dài x rộng x cao) (m):.....		
Tính năng của thiết bị (ghi theo thiết kế của nhà sản xuất):.....		
3. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:		
Loại hàng:.....		
Kích thước (D x R x C) m:..... Tổng khối lượng:..... tấn		
4. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:		
Kích thước (D x R x C) m:.....	Hàng vượt phía trước thùng xe:... m	
Hàng vượt hai bên thùng xe:.... m	Hàng vượt phía sau thùng xe:.... m	
Khối lượng toàn bộ *(gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân RM/SMRM + khối lượng thiết bị chuyên dùng để hỗ trợ phục vụ vận chuyển lắp, đặt trên xe (nếu có) + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng hóa)*:..... tấn		

5. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:
Trục đơn:..... tấn
Cụm trục kép:..... tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục: d = ... m
Cụm trục ba:..... tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d = ... m
6. Tuyến đường vận chuyển - Nơi đi..... (ghi cụ thể Km...../QL (ĐT)....., địa danh) - Nơi đến..... (ghi cụ thể Km...../QL (ĐT)....., địa danh) - Các tuyến đường được đi:..... *(ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng (nút giao), đi qua đường ngang (nếu có), các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)*

7. Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ;

- Xe phải có hệ thống hãm đủ hiệu lực (kể cả RM/SMRM kéo theo); hệ thống liên kết nối xe đầu kéo với RM/SMRM phải chắc chắn, bảo đảm an toàn và đúng quy định của nhà sản xuất; phải có cờ, đèn báo hiệu điểm nhô ra lớn nhất của kích thước bao ngoài của xe theo quy định;

- Khi lưu hành trên đường cao tốc và qua hầm đường bộ, trạm thu phí phải tuân thủ quy định về tốc độ, khoảng cách, làn đường và các quy định về quản lý, khai thác của công trình hoặc hướng dẫn của đơn vị quản lý công trình đó (nếu có);

- Khi qua cầu, xe chạy đúng.... *(tim hoặc làn)*.... với tốc độ..... Không dừng, đỗ, phanh, hãm xe trên cầu; không dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang.

- ..... *(các điều kiện quy định bảo đảm an toàn khác nếu cần thiết)*.....

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường bộ.

- Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe: thông tin cá nhân, điện thoại liên hệ./.

Nơi nhận:
- ... (Các cơ quan, đơn vị liên quan)...;
- Lưu: VT....

Lãnh đạo cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục IV[42]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 4

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../CQCP-GLHX	*...., ngày... tháng... năm....*

GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm....

- Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Căn cứ Thông tư số...../2015/TT-BGTVT ngày..../9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ ngày.... tháng.... năm..... của..... *(tên tổ chức, cá nhân đứng đơn, địa chỉ)*.....,

Cho phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ cụ thể như sau:

Xe bánh xích (nhãn hiệu xe):..... Biển số đăng ký:..... của..... *(tên tổ chức, cá nhân chủ xe)*.....

Với các thông số như sau:

- Chiều dài:..... m;

- Chiều rộng:..... m;

---

[42] Phụ lục 4 được thay thế bởi Phụ lục IV theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

- Chiều cao (tính từ mặt đường trở lên):..... m;

- Khối lượng toàn bộ của xe:..... tấn;

- Loại bánh xích (bằng hay nhọn):.....

+ Nơi đi..... *(ghi cụ thể Km...../QL (ĐT)....., địa danh)*.....

+ Nơi đến..... *(ghi cụ thể Km...../QL (ĐT)....., địa danh)*.....

+ Các tuyến được đi:... *(ghi đầy đủ, cụ thể tên đoạn tuyến đường bộ được đi, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang (nếu có), các điểm khống chế từ nơi đi đến nơi đến)*...

Các điều kiện quy định khi lưu hành xe trên đường bộ

- Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện phải tuân thủ các quy định của Luật Giao thông đường bộ.

- Phải bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật của xe và phải lắp guốc cho bánh xích.

- Chạy phía bên phải của chiều đi, đúng tốc độ thiết kế của xe và không quá tốc độ quy định trên đường; nhường đường cho các phương tiện khác.

- Khi qua cầu phải đi đúng.... *(tim hoặc làn)*.... với tốc độ chậm, không dừng, đỗ trên cầu; không dừng, đỗ xe trong phạm vi đường ngang.

- ..... *(các điều kiện quy định bảo đảm an toàn khác nếu cần thiết)*.....

- Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng kiểm soát giao thông trên đường.

- Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe: thông tin cá nhân, điện thoại liên hệ./.

Nơi nhận:
- ... (Các cơ quan, đơn vị liên quan)...;
- Lưu: VT....

Lãnh đạo cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục V[43]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 5A

Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../CQCP-GLHX	*...., ngày... tháng.... năm....*

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ TẢI TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng..... năm.....)

Kính gửi:.....

Dạng phương tiện / Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (03 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (04 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (05 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (06 trục)	Tổng cộng	Vận chuyển hàng siêu trọng	Ghi chú
Quốc lộ...											
Đường tỉnh...											
....											
Tổng cộng											

Lưu ý: Cột Ghi chú ghi cụ thể loại phương tiện đã cấp có khối lượng toàn bộ, gồm xe + hàng + thiết bị chuyên dùng lắp, đặt trên xe (nếu có).

- CQCP: Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ.

Thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[43] Phụ lục 5A được thay thế bởi Phụ lục V theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Phụ lục VI[44]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 5B

Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../CQCP-GLHX	*...., ngày... tháng.... năm....*

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng..... năm.....)

Kính gửi:.....

Dạng phương tiện Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - rơ moóc/ sơ mi rơ moóc (03 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/ sơ mi rơ moóc (04 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (05 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/ sơ mi rơ moóc (06 trục)	Tổng cộng	Vận chuyển hàng siêu trường	Ghi chú
Quốc lộ...											
Đường tỉnh...											
....											
Tổng cộng											

Lưu ý: Cột Ghi chú ghi cụ thể loại phương tiện đã cấp có:
- Kích thước bao ngoài gồm: xe + hàng (dài, rộng, cao);
- Khối lượng toàn bộ gồm: xe + hàng + thiết bị chuyên dùng lắp, đặt trên xe (nếu có).
- CQCP: Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ.

Thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[44] Phụ lục 5B được thay thế bởi Phụ lục VI theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Phụ lục VII[45]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 5C

Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../CQCP-GLHX	*...., ngày... tháng.... năm....*

BÁO CÁO CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH CHO XE QUÁ TẢI TRỌNG VÀ XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ (KỂ CẢ XE BÁNH XÍCH)

(Tháng.....năm.....)

Kính gửi:.....

Dạng phương tiện Tuyến đường	Xe 02 trục đơn	Xe 03 trục	Xe 04 trục	Xe bánh xích	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (03 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (04 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (05 trục)	Tổ hợp xe - rơ moóc/sơ mi rơ moóc (06 trục)	Tổng cộng	Vận chuyển hàng siêu trường và siêu trọng	Ghi chú
Quốc lộ...											
Đường tỉnh...											
....											
Tổng cộng											

Lưu ý: Cột Ghi chú ghi cụ thể loại phương tiện đã cấp có:
- Kích thước bao ngoài gồm: xe + hàng (dài, rộng, cao);
- Khối lượng toàn bộ gồm: xe + hàng + thiết bị chuyên dùng lắp, đặt trên xe (nếu có).
- CQCP: Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ.

Thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[45] Phụ lục 5C được thay thế bởi Phụ lục VII theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Phụ lục VIII[46]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 6

Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../CQCP-GLHX	*...., ngày... tháng.... năm...*

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN VÀ XE BÁNH XÍCH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

(Tháng..... năm.....)

Kính gửi:.....

TT	Dạng phương tiện	Quá khổ	Quá tải	Quá tải và quá khổ giới hạn	Tổng cộng	Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng		Ghi chú
						Ủy quyền thường xuyên	Ủy quyền theo chuyến	
1	Xe 02 trục đơn							
....	Xe... trục							
....	Xe bánh xích							
....	Tổ hợp xe 03 trục							
....	Tổ hợp xe.... trục							
	Tổng cộng							

Lưu ý: Cột Ghi chú ghi cụ thể loại phương tiện đã cấp có:
- Kích thước bao ngoài gồm: xe + hàng (dài, rộng, cao);
- Khối lượng toàn bộ gồm: xe + hàng + thiết bị chuyên dùng lắp, đặt trên xe (nếu có).
- CQCP: Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý đường bộ.

Thủ trưởng cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

[46] Phụ lục 6 được thay thế bởi Phụ lục VIII theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Phụ lục IX[47]

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGTVT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHỤ LỤC 7
NỘI DUNG CÔNG BỐ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN CỦA ĐƯỜNG BỘ

I. CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG BỘ ĐÃ VÀO CẤP (có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là HL-93 hoặc tương đương)

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Chiều dài (Km)	Thông tin cơ bản về tuyến, đoạn tuyến	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

II. CÁC VỊ TRÍ HẠN CHẾ KHỔ GIỚI HẠN TRÊN ĐƯỜNG BỘ

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Lý trình		Tỉnh/ thành phố	Cấp đường		Thông tin hạn chế khổ giới hạn so với cấp đường			Ghi chú
		Từ Km	Đến Km		ĐB	MN	Bề rộng hạn chế (m)	Chiều cao hạn chế (m)	Lý do hạn chế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

[47] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

III. CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN

TT	Tên đường (quốc lộ, cao tốc,...)	Lý trình	Tỉnh/ thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn				Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng (biển hạn chế tải trọng)	Tình trạng khổ giới hạn (biển hạn chế khổ giới hạn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
						XX-YY-ZZ		

Ghi chú:

Số liệu nhập tại cột (7) có dạng XX-YY-ZZ trong đó:

1. Số hiệu thứ nhất XX là giới hạn tổng tải trọng xe thân liền;

2. Số hiệu thứ hai YY là giới hạn tổng tải trọng xe đầu kéo kéo sơ-mi-rơ-moóc;

3. Số hiệu thứ ba ZZ là giới hạn tổng tải trọng xe thân liền kéo rơ-moóc (tổng tải trọng bao gồm cả xe và hàng).

Ví dụ: Thông tin tại cột (7) là 23-29-32, nghĩa là xe thân liền được phép lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 23 tấn; xe đầu kéo kéo sơ-mi- rơ-moóc được lưu thông với tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 29 tấn và xe thân liền kéo rơ-moóc được lưu thông với tổng tải trọng (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 32 tấn.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng